

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 3 - 2026

V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Toàn**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Võ Thị Kim Loan**.

- Bà **Trần Thị Thu Thảo**.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Vinh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp, tham gia phiên tòa: Bà **Kiều Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 502/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Ngọc H**, sinh ngày 23/01/1992 (có mặt).

Số căn cước công dân số: 082192002208, cấp ngày 23/4/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, (nay là ấp P, xã H, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Châu T**, sinh ngày 31/12/1989 (có mặt).

Số căn cước công dân số: 082089010208, cấp ngày 09/5/2022, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn **Phan Thị Ngọc H** khai:

Chị H và anh Nguyễn Châu T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 23/3/2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chúng chị H chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 9/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không còn tiếng nói chung. Chị H và anh T ly thân từ tháng 9/2025 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Châu T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 09/5/2013 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 20/4/2017. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn anh Nguyễn Châu T khai.**

Về quan hệ hôn nhân, anh T thống nhất như chị H trình bày. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì không có tiếng nói chung. Chị H về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay.

Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ thương con.

Vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày, nếu Tòa có cho ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

**\* Tại phiên tòa,**

- Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Anh Tuấn vẫn giữ nguyên yêu cầu, không đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

**\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Cho chị H được ly hôn với anh T, giao con chung tên 02 con chung tên là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 09/5/2013 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày

20/4/2017 cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết; Chị H phải chịu án phí ly hôn, anh T chịu án phí tranh chấp nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về tình cảm vợ chồng: Chị H và anh Nguyễn Châu T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 23/3/2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chúng chị H1 sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 9/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không còn tiếng nói chung. Chị H2 anh T ly thân từ tháng 9/2025 đến nay. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T1 không đồng ý ly hôn, nhưng không có biện pháp gì hàn gắn, đoàn tụ, chị H kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị H xin ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị H.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 09/5/2013 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 20/4/2017, hiện đang sống với chị H. Anh T1 yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, để ổn định cuộc sống, việc học tập, tâm lý của cháu Đ, cháu Như Ý và theo nguyện vọng của hai cháu. Chị H cũng chứng minh được có công việc và mức lương ổn định đủ nuôi hai con chung, nên cần giao cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H, anh T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc H

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Châu T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 09/5/2013 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 20/4/2017 cho chị Phan Thị Ngọc H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng

Anh Nguyễn Châu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009469 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, xem như chị H đã thi hành xong án phí.

Anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí tranh chấp nuôi con do không được chấp nhận.

4. Quyền kháng cáo: Chị H, anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV3 Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV3- Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hương,
- UBND xã Hưng Thạnh – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Toàn**